

Số: 7498 /QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 10 năm 2014

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

ĐẾN Số: 1348
Ngày: 24-10-2014
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động Quỹ đầu tư phát triển địa phương và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007;

Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 42/2014/TT-BTC ngày 08 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 27/QĐTPT-HĐQL ngày 15 tháng 10 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm triển khai thực hiện Điều lệ này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2008 của UBND thành phố về phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Đà Nẵng, Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- TTTU, TTHĐND (để b/c);
- CT, các PCT UBND TP
- Lưu VT, VP.



Lê Trung Hoàng



Đỗ Duy Khương

1977

ĐƠN BẢO TỒN - 41 THIÊN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
.....
.....
.....
.....



1/3 Trang trước

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 7498/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2014
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

BẢN SAO

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng quy định về chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn; cơ cấu tổ chức, quản lý và điều hành; chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, việc tổ chức lại, giải thể của Quỹ và một số nội dung khác liên quan. Điều lệ này áp dụng trong phạm vi hoạt động tại Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Ngoài các thuật ngữ quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ, trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Vốn điều lệ” là mức vốn quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng.

2. “Vốn điều lệ thực có” là số vốn điều lệ đã được UBND thành phố thực cấp cho Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng và được phản ánh trên sổ sách kế toán để hoạt động theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

3. “Người có liên quan” là cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản lý, Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng của Quỹ.

Điều 3. Tên gọi giao dịch, trụ sở và vốn điều lệ của Quỹ

1. Tên gọi giao dịch:

a) Tên gọi tiếng việt: Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng, viết tắt là Quỹ.

b) Tên giao dịch quốc tế: DaNang City Development Investment Fund (viết tắt là DDIF).

2. Địa chỉ trụ sở, điện thoại:

a) Địa chỉ: Số 01A Lý Thường Kiệt, phường Thạch Thang, quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng.

BAN SAO



b) Điện thoại, fax, mail, trang điện tử:

- Điện thoại : 0511 3 888 769
- Fax : 0511 3 898 498
- Mail : ddif@danang.gov.vn
- Trang điện tử : http://ddif.com.vn

3. Vốn điều lệ của Quỹ: 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng) được cấp từ nguồn ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp lệ khác.

Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và đại diện theo pháp luật

1. Quỹ là một tổ chức tài chính nhà nước của thành phố, được thành lập theo Quyết định số 7977/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2007 của UBND thành phố Đà Nẵng nhằm mục đích tiếp nhận vốn ngân sách, huy động vốn trung và dài hạn từ các tổ chức cá, nhân trong và ngoài nước để cho vay, đầu tư vào các dự án, doanh nghiệp phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối kế toán riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

3. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc.

Điều 5. Quản lý nhà nước đối với Quỹ

Quỹ chịu sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của UBND thành phố, đồng thời chịu sự quản lý nhà nước về tài chính của Bộ Tài chính và quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 6. Tổ chức bộ máy

1. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Quỹ bao gồm:

- a) Hội đồng quản lý gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên;
- b) Ban kiểm soát: Trưởng ban kiểm soát và các thành viên;
- c) Bộ máy điều hành gồm: Ban giám đốc (Giám đốc và các Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và các Phòng nghiệp vụ.

2. Việc thay đổi lại cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Quỹ do UBND thành phố quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 7. Nguyên tắc hoạt động

1. Quỹ là tổ chức tài chính nhà nước của thành phố, hoạt động theo mô hình ngân hàng chính sách, thực hiện nguyên tắc tự chủ tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ.

Điều 8. Hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều lệ của Đảng và

các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và quy định của các tổ chức đó.

Điều 9. Trách nhiệm của UBND thành phố Đà Nẵng

1. Thực hiện các quyền và trách nhiệm của UBND thành phố theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thực hiện các quyền, trách nhiệm quy định tại Điều lệ này, bao gồm:

a) Phê duyệt chiến lược hoạt động dài hạn, kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ;

b) Trình HĐND thành phố quyết định việc tổ chức lại, giải thể Quỹ theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

c) Phê duyệt các dự án cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quyết định của UBND thành phố quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều 12, Điểm b Khoản 4 Điều 13, Điểm b Khoản 3 Điều 14 của Điều lệ này. Trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu quản lý, UBND thành phố quyết phê duyệt cho vay mức thấp hơn.

d) Quyết định cho vay đối với các dự án có thời hạn cho vay trên 15 năm theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP của Chính phủ;

đ) Xem xét chấp thuận việc cho vay hợp vốn đối với trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

e) Quyết định việc khoan nợ, xóa nợ gốc theo quy định tại Khoản 11 Điều 13 Điều lệ này;

g) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản lý và Ban kiểm soát Quỹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 13 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

h) Phê duyệt quy chế tuyển dụng lao động của Quỹ; thông qua việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ;

i) Thực hiện quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu về cơ chế tiền lương, tiền thưởng của Quỹ theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn;

k) Phê duyệt kết quả đánh giá xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ;

l) Chấp thuận báo cáo tài chính và quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ và mức hoặc tỷ lệ trích lập cụ thể vào các quỹ đầu tư phát triển, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn chênh lệch thu chi của Quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ;

m) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nghĩa vụ của UBND thành phố Đà Nẵng

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ cho Quỹ;
2. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;
3. Bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn cấp bù phần chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ và lãi suất UBND thành phố chỉ định cho vay thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ, nguồn cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Quỹ đối với các dự án quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Quỹ.
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Mục 1

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA QUỸ

- Điều 11. Hoạt động huy động vốn

1. Quỹ được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định như sau:

a) Vay các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua hợp đồng vay vốn. Việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về vay nợ nước ngoài;

b) Phát hành trái phiếu của Quỹ theo quy định của pháp luật;

c) Các hình thức huy động khác theo quy định của pháp luật.

2. Giới hạn huy động vốn: Tổng mức vốn huy động theo các hình thức quy định tại Điều này tối đa bằng 6 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ tại cùng thời điểm.

Điều 12. Hoạt động đầu tư trực tiếp

1. Đối tượng đầu tư trực tiếp: Các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của thành phố do UBND thành phố ban hành hằng năm hoặc từng thời kỳ.

2. Điều kiện đầu tư.

a) Các dự án đầu tư phải thuộc kế hoạch đầu tư đã được UBND thành phố phê duyệt;

b) Dự án đầu tư phải mang lại hiệu quả, có khả năng thu hồi vốn đầu tư.

3. Phương thức đầu tư: Tùy theo điều kiện cụ thể, Quỹ có thể chọn các phương thức đầu tư sau đây:

a) Quỹ có thể thực hiện đầu tư với tư cách là chủ đầu tư, hoặc hợp vốn với các tổ chức khác để đầu tư;

b) Quỹ có thể trực tiếp quản lý, điều hành dự án đầu tư hoặc có thể thuê cơ quan chuyên môn quản lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật;

4. Hình thức đầu tư.

a) Tùy theo từng điều kiện, Quỹ có thể chọn các hình thức đầu tư sau đây:

- Đầu tư theo các hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) và các hình thức đầu tư trực tiếp khác theo quy định của pháp luật đầu tư;

- Tự tìm kiếm dự án, thực hiện các công việc chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư hoặc chuyển nhượng lại dự án cho chủ đầu tư khác thực hiện đầu tư.

b) Việc đầu tư của Quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

5. Giới hạn đầu tư.

Tỷ lệ vốn đầu tư trực tiếp vào các dự án của Quỹ tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu tại thời điểm đầu tư. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn đầu tư trực tiếp khác với quy định của Điều lệ này thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

6. Thẩm quyền quyết định đầu tư.

a) Mức vốn đầu tư đối với một dự án đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Quỹ quyết định.

b) Mức vốn đầu tư đối với một dự án trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do UBND thành phố quyết định.

Điều 13. Hoạt động cho vay đầu tư

1. Đối tượng cho vay.

Các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của thành phố do UBND thành phố ban hành hằng năm hoặc từng thời kỳ.

2. Điều kiện cho vay: Quỹ chỉ cho vay khi chủ đầu tư, đơn vị vay vốn bảo đảm có đủ các điều kiện sau:

a) Đã hoàn thành các thủ tục đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Phương án đầu tư phải có lãi và đảm bảo trả được nợ vay, lãi vay.

c) Có cam kết mua bảo hiểm đối với tài sản hình thành từ vốn vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc.

d) Chủ đầu tư là các tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

3. Giới hạn cho vay:

a) Giới hạn cho vay đối với một dự án không được vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện và không vượt quá 80% tổng vốn đầu tư của dự án. Trường hợp Quỹ thực hiện đồng thời đầu tư trực tiếp và cho vay đối với một dự án thì tổng giới hạn đầu tư trực tiếp và cho vay không được vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

b) Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ.

c) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay khác với quy định của Điều lệ này thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

4. Thẩm quyền quyết định cho vay đầu tư:

a) Mức vốn cho vay đối với một dự án đến 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Quỹ quyết định;

b) Mức vốn cho vay đối với một dự án trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ do UBND thành phố quyết định.

5. Thời hạn cho vay: Được xác định theo khả năng thu hồi vốn phù hợp với đặc điểm sản xuất, kinh doanh của từng dự án và khả năng trả nợ của chủ đầu tư, nhưng tối đa không quá 15 năm. Trường hợp cho vay trên 15 năm, Quỹ báo cáo UBND thành phố quyết định.

6. Lãi suất cho vay

a) Lãi suất cho vay của Quỹ được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, đảm bảo bù đắp phí quản lý, các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ và bảo toàn, phát triển nguồn vốn chủ sở hữu.

b) Hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều này, Giám đốc Quỹ tính toán, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và báo cáo UBND thành phố ra quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ.

c) Quỹ quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể, nhưng không được thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do UBND thành phố quyết định theo quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều này.

d) Trường hợp UBND thành phố quyết định cho vay dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo quy định tại Điều lệ này với lãi suất thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều này, UBND thành phố chịu trách nhiệm cấp bù phần chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ và lãi suất chỉ định cho vay đối với dự án đó.

7. Bảo đảm tiền vay: Cấp nào quyết định cho vay thì quyết định biện pháp bảo đảm cho khoản vay. Căn cứ vào đặc điểm dự án, chủ đầu tư và tình hình thực tế, Quỹ lựa chọn một hoặc các biện pháp bảo đảm cho khoản vay như sau:

- a) Cầm cố tài sản;
- b) Thế chấp tài sản;
- c) Đặt cọc;
- d) Bảo lãnh;
- e) Các biện pháp đảm bảo khác theo quy định của pháp luật.

8. Quy định về cho vay hợp vốn

a) Quỹ được làm đầu mỗi cho vay hợp vốn hoặc cùng hợp vốn với các Quỹ khác, tổ chức tín dụng và tổ chức khác để cho vay dự án.

b) Trường hợp thực hiện cho vay hợp vốn đối với dự án không thuộc địa bàn thành phố thì việc cho vay hợp vốn phải thỏa mãn các điều kiện sau đây:

- Dự án phải thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo Khoản 1 Điều 13 Điều lệ này;

- Dự án có tính chất hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội liên vùng có liên quan đến thành phố;

- Được Chủ tịch UBND thành phố của Quỹ đầu tư phát triển địa phương cho vay hợp vốn ở ngoài địa bàn tỉnh, thành phố chấp thuận.

c) Việc cho vay hợp vốn phải lập thành hợp đồng với các điều kiện, điều khoản tuân thủ đúng quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định 37/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Điều lệ này.

d) Lãi suất cho vay hợp vốn do các Quỹ cho vay hợp vốn tự quyết định, được thể hiện trong hợp đồng và phải đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của từng Quỹ theo quy định tại Khoản 6 Điều 13 của Điều lệ này.

9. Phân loại nợ, trích lập Quỹ dự phòng xử lý rủi ro: Quỹ thực hiện phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng xử lý rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư như các tổ chức tín dụng.

10. Xử lý rủi ro: Rủi ro xảy ra cho các dự án vay vốn của Quỹ do nguyên nhân khách quan được xử lý như sau:

a) Trường hợp do chính sách Nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của dự án mà dẫn đến việc chủ đầu tư gặp khó khăn trong trả nợ vay thì chủ đầu tư được xem xét gia hạn nợ; xoá, giảm lãi tiền vay; khoan nợ.

b) Trường hợp thiên tai, hoả hoạn, tai nạn do nguyên nhân khách quan gây thiệt hại tài sản, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật mà chủ đầu tư không trả được nợ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận thì việc xử lý rủi ro được thực hiện như sau:

- Sử dụng các nguồn tài chính của chủ đầu tư theo quy định để thu hồi nợ.
- Tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có).
- Được xem xét xoá nợ một phần hoặc toàn bộ số nợ vay còn lại.

11. Thẩm quyền xử lý rủi ro.

a) Cấp nào quyết định cho vay thì cấp đó quyết định gia hạn nợ. Thời gian gia hạn nợ tối đa không vượt quá 1/3 thời hạn của khoản vay.

b) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc xoá nợ lãi.

c) Chủ tịch UBND thành phố quyết định khoan nợ, xoá nợ gốc. Trường hợp xoá nợ, sau khi quyết định, Chủ tịch UBND thành phố phải báo cáo HĐND thành phố.

Điều 14. Hoạt động góp vốn thành lập doanh nghiệp

1. Hình thức góp vốn: Quỹ được góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã được UBND thành phố ban hành.

2. Giới hạn góp vốn: Giới hạn đầu tư góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

3. Thẩm quyền quyết định:

a) Mức vốn góp đối với một doanh nghiệp đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Quỹ quyết định.

b) Mức vốn góp đối với một doanh nghiệp trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do UBND thành phố quyết định.

4. Quản lý phần vốn góp của Quỹ vào doanh nghiệp.

a) Quỹ thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên góp vốn thông qua đại diện của Quỹ tại doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn thành lập theo quy định của pháp luật.

b) Việc cử đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp được thực hiện phù hợp với quy mô vốn góp của Quỹ.

- Trường hợp cử Giám đốc, Phó Giám đốc Quỹ làm đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

- Trường hợp cử các chức danh khác của Quỹ làm đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp do Giám đốc Quỹ quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước Hội đồng quản lý Quỹ và UBND thành phố.

5. Quỹ có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã góp vào doanh nghiệp và các quyền có được từ phần vốn đã góp để thu hồi vốn. Việc chuyển nhượng thực hiện theo Quy chế góp vốn thành lập doanh nghiệp của Quỹ.

Điều 15. Hoạt động nhận ủy thác và ủy thác

1. Nhận ủy thác.

a) Quỹ được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay đầu tư và thu hồi nợ, cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách Nhà nước, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, các doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước

thông qua hợp đồng nhận uỷ thác giữa Quỹ với cá nhân, tổ chức uỷ thác;

b) Quỹ được nhận uỷ thác quản lý hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; quỹ phát triển nhà ở, quỹ phát triển đất, quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã và các quỹ tài chính khác của thành phố do UBND thành phố thành lập;

c) Quỹ được nhận phí dịch vụ nhận uỷ thác. Mức phí cụ thể được thoả thuận và ghi nhận trong hợp đồng.

2. Uỷ thác:

a) Quỹ được uỷ thác cho các tổ chức tín dụng và Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện cho vay và thu hồi nợ một số dự án thuộc đối tượng vay vốn của Quỹ thông qua hợp đồng uỷ thác giữa Quỹ với tổ chức nhận uỷ thác.

b) Các tổ chức nhận uỷ thác được nhận phí nhận uỷ thác. Mức phí cụ thể được thoả thuận và ghi nhận trong hợp đồng.

Điều 16. Hoạt động huy động vốn cho ngân sách địa phương

1. Quỹ tổ chức, thu xếp việc huy động vốn cho ngân sách thành phố theo quy định của pháp luật, bao gồm cả phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của UBND thành phố.

2. Ngoài các nhiệm vụ nêu trên, Quỹ thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND thành phố giao để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố nhưng không trái với Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

Mục 2

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Điều 17. Trách nhiệm của Quỹ

Ngoài trách nhiệm quy định tại Điều 33 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP của Chính phủ, Quỹ có các trách nhiệm sau:

1. Thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Chương II Điều lệ này;
2. Quản lý sử dụng vốn đúng mục đích, đảm bảo an toàn và phát triển vốn, tự bù đắp chi phí và tự chịu rủi ro;
3. Thực hiện đúng hạn, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của Quỹ đối với các khoản vốn mà Quỹ đã huy động từ các tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật;
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Quyền hạn của Quỹ

Ngoài quyền hạn quy định tại Điều 34 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Quỹ có các quyền hạn sau:

1. Được pháp luật bảo hộ với tư cách là một pháp nhân trước mọi hành vi trái pháp luật gây tổn hại đến tài sản, quyền lợi và uy tín của Quỹ;

2. Được tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Điều lệ này;

3. Được quản lý, sử dụng vốn và tài sản được giao, vốn huy động để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Điều lệ này;

4. Được lựa chọn các dự án có hiệu quả thuộc đối tượng quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Điều lệ này để quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thực hiện cho vay, đầu tư trực tiếp hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quyết định của UBND thành phố thì UBND thành phố chịu trách nhiệm về quyết định của mình (bao gồm cả việc cấp bù chênh lệch lãi suất, cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP) để đảm bảo nguyên tắc, nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

5. Được yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, hồ sơ về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh để xem xét quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; trực tiếp thẩm định phương án tài chính, hiệu quả đầu tư của các dự án; định giá tài sản đảm bảo tiền vay; phân tích, đánh giá và giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án;

6. Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định một phần hoặc toàn bộ các dự án Quỹ cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; định giá tài sản đảm bảo tiền vay;

7. Được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân vay vốn tại Quỹ; tình hình tài sản bảo đảm tiền vay; tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn Quỹ cho vay đầu tư cũng như các vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư;

8. Được đình chỉ hoặc báo cáo cấp thẩm quyền quyết định đình chỉ việc cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; thu hồi các khoản cho vay, đầu tư trực tiếp trước thời hạn nếu có đầy đủ chứng cứ chứng minh đối tượng sử dụng vốn không đúng mục đích, vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật;

9. Có quyền từ chối tài trợ, hợp tác, cho vay, đầu tư vốn nếu xét thấy trái pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

10. Khi đến hạn trả nợ, nếu chủ đầu tư không trả được nợ thì Quỹ được quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật;

11. Được cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành;

12. Được tuyển dụng, thuê, bố trí, sử dụng, quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng Ban quản lý điều hành và người lao động; lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng trên cơ sở kết quả hoạt động của Quỹ và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật;

13. Trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đàm

phán, ký kết các hợp đồng vay vốn, nhận tài trợ, nhận ủy thác, ủy thác trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi theo đúng pháp luật Việt Nam.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ

Mục 1

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

Điều 19. Hội đồng Quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ là đại diện của UBND thành phố, được ủy quyền tổ chức thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu; quyết định và tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ theo quy định tại Chương II Điều lệ này.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có năm (05) thành viên, gồm đại diện UBND thành phố, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng nhà nước Việt Nam Chi nhánh thành phố Đà Nẵng và Giám đốc Quỹ.

3. Cơ cấu Hội đồng quản lý Quỹ gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý (sau đây gọi chung là thành viên Hội đồng quản lý). Ngoài thành viên Hội đồng quản lý là Giám đốc Quỹ, các thành viên khác của Hội đồng quản lý có thể hoạt động kiêm nhiệm nhưng không được kiêm nhiệm bất kỳ một chức vụ quản lý khác tại Quỹ.

4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản lý có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Hội đồng quản lý mới chưa được bổ nhiệm thì Hội đồng quản lý của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Hội đồng quản lý mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều 37 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

2. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định cụ thể tại Điều lệ này gồm:

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ; trình UBND thành phố phương án điều chỉnh vốn điều lệ của Quỹ để quyết định theo thẩm quyền;

b) Ban hành các quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ, bao gồm: Quy chế hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành Quỹ; Quy chế đầu tư xây dựng, mua sắm và quản lý tài sản của Quỹ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế lao động, tiền lương; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế huy động vốn; Quy chế đầu tư trực tiếp; Quy chế cho vay; Quy chế góp vốn thành lập doanh nghiệp; Quy chế quản lý rủi ro; Quy chế quản lý tài sản bảo đảm tiền vay và các quy chế hoạt động, nghiệp vụ khác theo yêu cầu quản lý của Quỹ;

c) Trình UBND thành phố ban hành quyết định về mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP;

d) Trình UBND thành phố ban hành danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP;

đ) Quyết định việc đầu tư trực tiếp, cho vay, góp vốn thành lập doanh nghiệp đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều 12, Điểm a Khoản 4 Điều 13, Điểm a Khoản 3 Điều 14 của Điều lệ này.

e) Trình Chủ tịch UBND thành phố quyết định khoan nợ, xóa nợ gốc theo quy định tại Khoản 11 Điều 13 Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan;

g) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý về cơ chế tiền lương, tiền thưởng của Quỹ theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn;

h) Trình UBND thành phố phê duyệt báo cáo xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ; báo cáo tài chính, quyết toán chênh lệch thu chi Quỹ; mức hoặc tỷ lệ trích lập cụ thể vào các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi của Quỹ;

i) Trình UBND thành phố phê duyệt phương thức tổ chức, bộ máy quản lý điều hành Quỹ;

k) Trình Chủ tịch UBND thành phố bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND thành phố;

l) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ;

m) Phê duyệt quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

n) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của UBND thành phố.

Điều 21. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chủ tịch UBND thành phố quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ sau khi được UBND thành phố thông qua.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản lý:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực: tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có ý thức chấp hành pháp luật;



d) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

đ) Không có người liên quan giữ chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Thành viên Ban Kiểm soát, Thủ quỹ tại Quỹ;

e) Không phải là người liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý;

f) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của UBND thành phố và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa án kết án bằng bản án;

c) Vi phạm nghiêm trọng các quyết định của UBND thành phố, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, các quy chế của Quỹ, quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan đến mức bị kỷ luật;

d) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

đ) Có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

e) Nghi hưu;

g) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của UBND thành phố.

4. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do UBND thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ tiếp nhận vốn điều lệ do ngân sách cấp và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ;

b) Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 20 của Điều lệ này;

d) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý;

đ) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các Quyết định của Giám đốc Quỹ

trái với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

e) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về các nhiệm vụ được ủy quyền;

g) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và ủy quyền của UBND thành phố.

2. Thành viên của Hội đồng quản lý có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tham dự họp Hội đồng quản lý Quỹ; thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý;

b) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý;

c) Yêu cầu Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý của Quỹ cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ để phục vụ công tác của mình. Người được yêu cầu phải cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác.

3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, Quyết định của UBND thành phố trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ và UBND thành phố;

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ; không sử dụng thông tin hoạt động của Quỹ hoặc lợi dụng chức vụ và tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của người khác.

Điều 23. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 3 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, Trưởng ban kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Thành viên Hội đồng quản lý vắng mặt tại cuộc họp phải có thông báo bằng văn bản về lý do vắng mặt. Cuộc họp do Chủ tịch hoặc một thành viên khác được Chủ tịch ủy quyền (trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt) làm chủ tọa. Trong trường hợp cấp bách không tổ chức họp, việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp Hội đồng quản lý phải được Quỹ chuẩn bị và gửi tới các thành viên Hội đồng quản lý tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý. Thành viên Hội đồng quản lý có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

5. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết luận và kết quả biểu quyết của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi chép đầy đủ trong biên bản cuộc họp và được các thành viên tham dự cuộc họp cùng ký xác nhận. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý và phải được gửi tới tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý, Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện.

6. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ và Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Giám đốc Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền; trong thời gian chưa có quyết định của UBND thành phố, Giám đốc Quỹ phải có trách nhiệm chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Mục 2 **BAN KIỂM SOÁT QUỸ**

Điều 24. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát có chức năng giúp Hội đồng quản lý và UBND thành phố thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát việc Quỹ chấp hành các chính sách chế độ theo quy định của pháp luật; các quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; Nghị quyết, Quyết định của UBND thành phố và Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Ban kiểm soát có tối đa không quá ba (03) thành viên hoạt động chuyên trách trong đó có một (01) Trưởng ban phụ trách hoạt động của Ban kiểm soát.

3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm; thành viên ban kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát mới chưa được bổ nhiệm thì Ban kiểm soát của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban kiểm soát mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát Quỹ

1. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Khoản 1 Điều 38 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thực hiện các nhiệm vụ quy định cụ thể tại Điều lệ này, bao gồm:

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách, chế độ theo quy định của pháp luật; quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và UBND thành phố. Trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm chính sách, chế độ theo quy định, Ban kiểm soát Quỹ có trách nhiệm thông báo với UBND thành phố, đồng thời yêu cầu Hội đồng quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý và bộ máy quản lý, điều hành Quỹ chấm dứt hành vi vi phạm, xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan và có giải pháp khắc phục hậu quả;

b) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính và việc trích lập các quỹ, báo cáo tình hình thực hiện tiền lương và tiền thưởng theo quy định của pháp luật;

c) Hằng năm, Trưởng Ban Kiểm soát của Quỹ trình Hội đồng quản lý lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập thành lập và hoạt động tại Việt Nam để kiểm toán Báo cáo tài chính Quỹ; Ban Kiểm soát của Quỹ phải tổ chức kiểm tra, kiểm soát theo kế hoạch việc chấp hành chế độ tài chính kế toán tại Quỹ và các doanh nghiệp do Quỹ sở hữu 100% vốn và báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm soát cho Hội đồng quản lý Quỹ;

d) Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý Quỹ và UBND thành phố giao.

3. Ban kiểm soát có các quyền hạn sau đây:

a) Được yêu cầu Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng nghiệp vụ Quỹ cung cấp thông tin, tiếp cận hồ sơ, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động và tài chính của Quỹ để phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát. Người được yêu cầu phải cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác;

b) Được tham dự các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng quản lý, họp Ban giám đốc, họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Khi tham dự các cuộc họp, Ban kiểm soát có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết;

c) Được sử dụng con dấu của Quỹ cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát. Quỹ phối hợp với Ban kiểm soát xây dựng quy chế sử dụng con dấu bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật.

4. Ban kiểm soát có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này và các Quyết định, Nghị quyết của UBND thành phố và Hội đồng quản lý Quỹ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Quỹ và UBND thành phố;

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ; quản lý và bảo mật thông tin theo quy định của Quỹ. Không lợi dụng quyền hạn được giao để gây cản trở cho hoạt động của Quỹ; không lợi dụng thông tin, chức vụ, tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thường xuyên nắm bắt tình hình, thu thập thông tin, báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho UBND thành phố về hoạt động của Quỹ theo chế độ quy định;

đ) Các nghĩa vụ khác theo các quy định của UBND thành phố và Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 26. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Chủ tịch UBND thành phố bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ, sau khi được UBND thành phố thông qua. Các thành viên khác của Ban kiểm soát do Hội đồng quản lý bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban kiểm soát:

a) Là công dân Việt nam, thường trú tại Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

c) Không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành, nhân viên của Quỹ; không là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Thủ quỹ hoặc là người có liên quan của người có thẩm quyền bổ nhiệm các chức danh này;

d) Có trình độ đại học trở lên và có kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng;

đ) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của UBND thành phố và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Có trình độ đại học trở lên trong các ngành tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng; đồng thời phải có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực này;

c) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của UBND thành phố và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban kiểm soát hoặc tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát trong trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát;

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa án kết án bằng bản án;

c) Lợi dụng quyền hạn để gây cản trở hoạt động của Quỹ, không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao, vi phạm nghiêm trọng quy chế của Quỹ, quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan đến mức bị kỷ luật;

d) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

đ) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

e) Nghi hưu;

g) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của cấp có thẩm quyền.

5. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật thành viên Ban kiểm soát do Hội đồng quản lý quyết định.

Mục 3 GIÁM ĐỐC QUỸ

Điều 27. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, trực tiếp điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ theo chiến lược, mục tiêu, kế hoạch của Quỹ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Quỹ và các Nghị quyết, quyết định của UBND thành phố và Hội đồng quản lý Quỹ; chịu trách nhiệm trước UBND thành phố, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Giám đốc Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Giám đốc Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Giám đốc mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

Điều 28. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Khoản 5 Điều 39 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

2. Đề xuất và trình Hội đồng quản lý Quỹ đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 20 Điều lệ này.

3. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do UBND thành phố, Hội đồng quản lý Quỹ ủy nhiệm nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và Điều lệ này.

4. Ban hành theo thẩm quyền các quy chế, quy trình nội bộ để tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo phân cấp của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến điều hành công việc hàng ngày của Quỹ.

Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Quỹ

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại

khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính hoặc ngân hàng; đồng thời, phải có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng.

3. Không phải người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Phó Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, thủ quỹ và không phải người có liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Giám đốc Quỹ.

4. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của UBND thành phố và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND thành phố bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ, sau khi được UBND thành phố thông qua.

2. Giám đốc Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trước thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc Quỹ theo quy định tại Điều 29 Điều lệ này;

b) Không hoàn thành các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ giao mà không giải trình được nguyên nhân chính đáng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc có hệ thống các Nghị quyết, Quyết định của UBND thành phố, Hội đồng quản lý Quỹ, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đến mức bị kỷ luật;

d) Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc sử dụng vốn, tài sản của Quỹ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tư lợi hoặc làm lợi cho người khác;

đ) Báo cáo không trung thực tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ;

e) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa án kết án bằng bản án;

g) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

h) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

i) Nghi hưu;

k) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý Quỹ và UBND thành phố.

3. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc Quỹ do UBND thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

Mục 4

PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Điều 31. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Chủ tịch UBND thành phố bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, sau khi được UBND thành phố thông qua.

2. Phó Giám đốc có nhiệm vụ tham mưu giúp Giám đốc trong việc điều hành Quỹ, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Giám đốc giao phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

3. Kế toán trưởng:

a) Kế toán trưởng tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền; thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan;

b) Kế toán trưởng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Kế toán và pháp luật có liên quan.

4. Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng được bổ nhiệm với thời hạn là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc và Kế toán trưởng do UBND thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Các phòng nghiệp vụ

1. Các Phòng nghiệp vụ của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giao.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật lãnh đạo các phòng nghiệp vụ do Giám đốc Quỹ quyết định.

3. Lãnh đạo các phòng nghiệp vụ và người lao động làm nhiệm vụ chuyên môn chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 33. Tuyển dụng lao động

Việc tuyển dụng lao động, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ, lãnh đạo của Quỹ được thực hiện theo quy chế tuyển dụng lao động do UBND thành phố phê duyệt trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Điều 34. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

1. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán của Quỹ thực hiện theo quy định do Bộ Tài chính ban hành và quy định tại Điều lệ này.
2. Quỹ tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán. Hàng năm, báo cáo tài chính của Quỹ phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.
3. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.

Chương V

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 35. Tổ chức lại, giải thể Quỹ

1. Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương do UBND thành phố quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng ban nghiệp vụ trực thuộc bộ máy quản lý, điều hành của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, trên cơ sở phương thức tổ chức bộ máy quản lý đã được UBND thành phố phê duyệt.

Chương VI

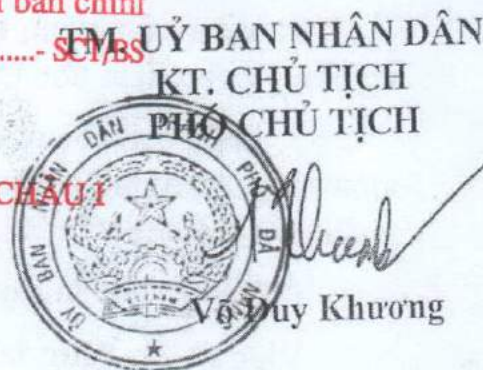
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Trong quá trình thực hiện, Quỹ phải tổng kết kinh nghiệm về các mặt hoạt động, đề xuất kịp thời những điều khoản cần sửa đổi, bổ sung trong Điều lệ này và báo cáo Hội đồng quản lý trình UBND thành phố quyết định. / *Tung*

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực:....., QS..... - SCT/BS

3799 2
02-07-2019



Lê Trung Hoàng